

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:05/2024/HS - ST

Ngày 24 – 01 – 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C , TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Việt Anh.

Các Hội thẩm P dân: Ông Mai Văn Thiên.

Ông Siu Tơ Lul

- Thư ký phiên tòa: Bà Tào Thị Mỹ Huệ – Thư ký Tòa án P dân huyện C .

- Đại diện Viện kiểm sát P dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án P dân huyện C , tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm xét công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2023/TLST- HS ngày 08 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST- HS 03 tháng 01 năm 2024 đối với:

Bị cáo: P , sinh ngày 14/02/1988 tại Gia Lai; Nơi cư trú: Làng Greo Sék, xã D , huyện C , tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Họ và tên bố: Phạm Quốc T ; Họ và tên mẹ: Trần Thị L ; Vợ tên Lê Thị Kim P (đã ly hôn), có 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện C kết án 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tại bản án hình sự sơ thẩm số 38/2018/HSST ngày 22/8/2018, (đã xóa án tích).

Bị bắt tạm giam ngày 25/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C . Có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Huyền T , sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn C , huyện C , tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Minh T1 , sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn C

, huyện C , tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Chị Trần Thị N1 , sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn C , huyện C , tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Bà Trần Thị L1 , sinh năm 1967; Địa chỉ: Làng Greo Sek, xã D , huyện C , tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Trịnh Thị Trúc M2 , sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn C , huyện C , tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Chị Lê Thị M3 , sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn Kê, thị trấn C , huyện C , tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Vào khoảng 17 giờ 57 phút ngày 29/12/2022, P đến trụ cây ATM Ngân hàng MB Bank C, thuộc Tổ dân phố 3, thị trấn C , huyện C để nạp tiền tự động vào tài khoản của P với số tiền 2.000.000đ thì tiền bị trôi ra không nạp tiền vào tài khoản được. Lúc đó, P thấy một chị phụ nữ là chị Nguyễn Thị Huyền T (sinh năm: 1991, trú tại Tổ dân phố 4, thị trấn C , huyện C) đứng ở ngoài cây ATM nên P đi ra, nhường cho chị T vào sử dụng cây ATM trước còn P đứng ở ngoài chờ. Chị T vào cây ATM thực hiện giao dịch chuyển số tiền 48.900.000đ (Bốn mươi tám triệu, chín trăm ngàn đồng) tự động vào số tài khoản: 0399902368. Sau khi thực hiện các thao tác chuyển tiền xong, chị T đi ra khỏi cây ATM rồi đi về. Lúc này, P lại tiếp tục đi vào cây ATM để nạp tiền tiếp thì P thấy tiền từ trong máy ATM đẩy ra, P liền cầm lấy số tiền đó đi về.

Sau đó, do thiếu tiền trả nợ nên P đã lấy số tiền trên trả nợ cho chị Trịnh Thị Trúc M2 (sinh năm: 1981, trú tại Tổ dân phố 6, thị trấn C , huyện C) số tiền 7.000.000đ, trả nợ các App mà P vay tín chấp trước đó như: App Ví vui vẻ, Doctor đồng. Đến ngày 04/01/2023, P mang số tiền còn lại là: 30.067.000đ (Ba mươi triệu, không trăm, sáu mươi bảy ngàn đồng) đến Ngân hàng HD Bank ở thị trấn C , chuyển số tiền 30.067.000đ vào tài khoản của P và tiêu hết số tiền trên vào ngày 05/01/2023. Ngày 07/01/2023 Chị T trình báo Công an huyện về việc đối tượng P đã cầm số tiền của mình nên ngày 08/01/2023 Công an huyện C đã thông báo cho P về số tiền trên là của chị T . Ngày 09/01/2023, chị T gặp và yêu cầu P trả lại số tiền mà P chiếm giữ

nhưng P chỉ trả lại được số tiền 10.900.000đ (Mười triệu, chín trăm ngàn đồng). Số tiền còn lại 38.000.000 (Ba mươi tám triệu đồng) P không có khả năng trả lại cho chị T. P tự viết giấy, hẹn ngày 13/01/2023 trả 10.000.000đ, ngày 31/01/2023 sẽ trả hết số tiền còn lại nhưng P không trả. Đến tháng 5/2023, P vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) của chị Trịnh Thị Trúc M2, nhờ chị Mai trả cho chị T nhưng Chị T không nhận mà yêu cầu P phải trả một lần đủ số tiền 38.000.000đ. Sau đó, chị T đã yêu cầu P trả nhiều lần nhưng P không trả.

Về vật chứng vụ án:

- Đối với số tiền 7.000.000đ, P trả nợ cho chị Trịnh Thị Trúc M2, số tiền này chị Mai sử dụng chữa bệnh hết, hiện không thu giữ được.

- Đối với số tiền P trả nợ trên các App vay tiền tín chấp như: App Ví vui vẻ, Doctor đồn hiện không thu giữ được.

****Về dân sự:*** Ngày 30/11/2023, bà Trần Thị L1 là mẹ của bị cáo P đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Huyền T số tiền 38.000.000đồng. Chị T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số: 59/CT - VKS ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát P dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã truy tố P về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 176 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, ăn năn, hối cải về hành vi đã thực hiện, xin Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát P dân huyện C sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo P phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 176; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 6 tháng đến 9 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã trả lại toàn bộ tài sản cho bị hại, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xét.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C , Điều tra viên; của Viện kiểm sát P dân huyện C , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ kết tội và tội danh đối với bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo P khai nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 15 giờ 57 phút, ngày 29/12/2022, P đến trụ cây ATM ngân hàng MB Bank thuộc tổ dân phố 3, thị trấn C , huyện C , tỉnh Gia Lai để nộp tiền vào tài khoản của P thì P phát hiện trong hộp đựng tiền của cây ATM có 48.900.000đồng, P không biết đây là tiền của ai nhưng P đã lấy số tiền này sử dụng vào việc trả nợ, tiêu xài cá P .Ngày 07/01/2023, chị Nguyễn Thị Huyền T liên hệ với P và báo cho P biết 48.900.000đồng là tiền của chị T , ngày 29/12/2022 chị T đến cây ATM để nộp tiền vào tài khoản nhưng do cây ATM bị lỗi nên giao dịch không thành công, máy không nhận tiền mà đẩy số tiền này ra khay đựng tiền của cây ATM, chị T yêu cầu P trả lại toàn bộ số tiền trên. Ngày 09/01/2023, P mới trả lại cho chị T được 10.900.000đồng và tự viết giấy hẹn, cam kết ngày 13/01/2023 trả tiếp 10.000.000đồng, ngày 31/01/2023 trả hết số tiền còn lại cho chị T , đến hẹn P vẫn không trả tiền như đã cam kết. Sau đó, chị T đã nhiều lần yêu cầu P trả lại tiền, Cơ quan CSĐT Công an huyện C cũng đã hai lần thông báo, yêu cầu P trả lại 38.000.000đồng cho chị T thế nhưng P vẫn không trả. Sau khi Cơ quan CSĐT Công an huyện C khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với P thì ngày 30/11/2023, bà Trần Thị L1 là mẹ của P mới thay bị cáo trả lại toàn bộ số tiền trên cho chị T .

Xét hành vi của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được rằng hành vi cố tình không trả lại tài sản cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản mà mình nhận được khi chủ sở hữu, cơ quan có thẩm quyền đã yêu cầu trả lại là trái pháp luật, thế nhưng bị cáo đã bất chấp pháp luật, không trả lại tiền 38.000.000đồng cho chị T mà giữ lại tiêu xài cá nhân hết. Với hành vi nêu trên, bị cáo đã phạm vào tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 176 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 59/CT - VKS ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát P dân huyện C , tỉnh Gia Lai đã truy tố P về tội danh, khung hình phạt, theo điều, khoản tương ứng quy định tại Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, do đó, bị cáo phải bị nghiêm trị, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả đã gây ra.

[4]. Xét về P thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về P thân, bị cáo đã từng bị kết án về tội đánh bạc, đã được xóa án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình trả lại tiền cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt:

Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, P thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Hội đồng xét xử thấy rằng, cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, xử bị cáo hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo tác răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và công tác đấu tranh phòng ngừa chung đối với tội phạm

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã trả lại toàn bộ tài sản chiếm giữ cho bị hại, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xét.

Đối với bà Trần Thị L1 là người đã bỏ ra số tiền 38.000.000đồng để thay bị cáo trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Huyền T, bà Lành không có yêu cầu gì nên không xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Không.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo P phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”;

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 176; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo P : 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 25/10/2023).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 24, 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án P dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tổng đạt bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKS ND tỉnh Gia Lai;
- VKS ND huyện C ;
- Cơ quan CSĐT CA huyện C ;
- CQTHAHS Công an huyện C ;
- Chi cục THA dân sự huyện C ;
- Bị cáo;
- Bị hại, Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu: hồ sơ, án văn, Tòa án huyện.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Việt Anh

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM P DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

